**Bảng mã khảo sát nội dung & hình thức thông điệp thích ứng với biến đổi khí hậu trên báo mạng điện tử khu vực ĐBSCL**

1. **Thông tin định danh tin bài**
2. **Tên bài báo so với nội dung bài báo có liên quan:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Hoàn toàn không có liên quan 2. Phần lớn không liên quan 3. Liên quan ở mức độ trung bình | 1. Phần lớn có liên quan 2. Hoàn toàn có liên quan |

1. **Các thể loại tít bài**
2. Tít thông tin, xác nhận sự kiện (Tóm tắt ngắn gọn nội dung chính của bài viết, cung cấp thông tin một cách khách quan, trung thực. Ví dụ: "Đồng bằng sông Cửu Long ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp để thích ứng với biến đổi khí hậu")
3. Tít giật gân (Sử dụng ngôn ngữ mạnh, gây sốc, thu hút sự chú ý của độc giả. Ví dụ: "Đồng bằng sông Cửu Long đang 'chết đuối' vì biến đổi khí hậu, nhưng công nghệ có thể là cứu cánh?")
4. Tít dạng câu hỏi (Đặt ra câu hỏi để kích thích sự tò mò, khuyến khích độc giả tìm hiểu thêm về nội dung bài viết. Ví dụ: "Liệu công nghệ có thể cứu Đồng bằng sông Cửu Long khỏi biến đổi khí hậu?")
5. Tít bình luận/biểu cảm (Thể hiện quan điểm, cảm xúc của tác giả hoặc tờ báo về vấn đề được đề cập. Ví dụ: "Đồng bằng sông Cửu Long: Hy vọng mới từ những cánh đồng thông minh")
6. Tít trích dẫn (Sử dụng một câu nói nổi bật, ấn tượng của nhân vật trong bài viết. Ví dụ: "Nông dân ĐBSCL: 'Chúng tôi không đầu hàng trước biến đổi khí hậu'")
7. Tít chơi chữ (Sử dụng từ ngữ đa nghĩa, chơi chữ để tạo sự thú vị, hài hước. Ví dụ: "ĐBSCL: 'Lúa mặn' vẫn 'ngọt' nhờ công nghệ")
8. Tít ẩn dụ, so sánh (Sử dụng hình ảnh ẩn dụ, so sánh để làm nổi bật ý nghĩa của bài viết. Ví dụ: "ĐBSCL: 'Phượng hoàng' tái sinh từ công nghệ xanh")
9. Khác (ghi rõ):
10. **Các thể loại tít nào dưới đây xuất hiện trong tin bài (1 phương án)**
11. Tít tóm tắt
12. Tít dạng câu hỏi
13. Tít dạng kêu gọi hành động
14. Tít chơi chữ
15. Tít dài
16. Dạng tít khác
17. **Nguồn đăng tải (Lựa chọn 1 phương án)**
18. Nội bộ (Bài viết do nhà báo/phóng viên của tờ báo/kênh truyền hình thực hiện)
19. Nước ngoài (Bài viết được trích dẫn hoặc dịch lại từ một nguồn tin nước ngoài)
20. Báo/kênh khác (Bài viết được đăng lại từ một tờ báo/kênh truyền hình khác)
21. Thông cáo báo chí (Bài viết là thông cáo báo chí từ một tổ chức/cơ quan/doanh nghiệp)
22. Công chúng (Bài viết được viết bởi người dân hoặc người dùng mạng xã hội)
23. Chuyên gia (Bài viết được viết bởi một chuyên gia trong lĩnh vực liên quan)
24. Không rõ, không thể xác định rõ nguồn gốc của bài viết.
25. **Nguồn thông tin trích dẫn trong tin bài, chương trình (Chỉ chọn 1 trong 5 phương án, với từng phương án thì chỉ chọn 1 phương án phụ)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Cơ quan nhà nước | 1. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước Trung ương 2. Bộ, Ban, Ngành (Không thuộc Bộ Nông nghiệp, Bộ Tài Nguyên, Bộ Khoa học) 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp, trong đó bao gồm ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường: trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trong đó bao gồm ứng dụng khoa học công nghệ vào bảo vệ môi trường. 5. Bộ Khoa học và Công nghệ: trách nhiệm quản lý nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ, trong đó bao gồm ứng dụng khoa học công nghệ vào giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu. 6. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: trách nhiệm triển khai các chính sách, chương trình về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ tại địa phương. 7. Ủy ban Nhân dân cấp huyện, quận thuộc tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: trách nhiệm triển khai các chính sách, chương trình về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ tại địa phương 8. Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường thuộc tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: trách nhiệm triển khai các chính sách, chương trình về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ tại địa phương 9. Các Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp tỉnh 10. Các Viện nghiên cứu thuộc nhà nước (ví dụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu, Viện Nghiên cứu Biển và Hải đảo,...) 11. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Nam Bộ: đơn vị nghiên cứu khoa học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. 12. Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu và Phát triển Xanh: đơn vị nghiên cứu khoa học về lĩnh vực biến đổi khí hậu và phát triển xanh. 13. Khác |
| 1. Chuyên gia/Nhà khoa học | 1. Chuyên gia về biến đổi khí hậu 2. Chuyên gia về nông nghiệp 3. Chuyên gia về năng lượng tái tạo 4. Chuyên gia về quản lý tài nguyên nước 5. Chuyên gia về kinh tế 6. Các nhà nghiên cứu thuộc các trường đại học, viện nghiên cứu |
| 1. Người dân | 1. Nông dân 2. Ngư dân 3. Người dân thành thị 4. Cộng đồng dân tộc thiểu số |
| 1. Doanh nghiệp | 1. Doanh nghiệp nông nghiệp 2. Doanh nghiệp thủy sản 3. Doanh nghiệp năng lượng tái tạo 4. Doanh nghiệp công nghệ 5. Các doanh nghiệp khác hoạt động tại ĐBSCL |
| 1. Tổ chức phi chính phủ | 1. Các tổ chức hoạt động về môi trường (ví dụ: WWF, Greenpeace, Mạng lưới Sông Mê Kông,...) 2. Các tổ chức hoạt động về phát triển cộng đồng (Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Nông thôn - RCRD) 3. Các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam (ví dụ: UNDP, USAID, Oxfam Việt Nam...) 4. Khác |
| 1. Khác | 1. Các trang mạng xã hội (Facebook, Zalo,...) 2. Diễn đàn trực tuyến 3. Các trang web/blog cá nhân 4. Các nguồn thông tin khác (vui lòng ghi rõ) |

1. **Mã hóa riêng cho các sản phẩm báo điện tử**
2. **Thể loại bài (chỉ chọn 1 phương án)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tin tức 2. Phóng sự/Ký sự 3. Bình luận/Phân tích 4. Phỏng vấn | 1. Infographic/Video 2. Longform (bài viết dài) 3. Khác (vui lòng ghi rõ) |

1. **Định dạng (Có thể chọn nhiều phương ná)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Bài viết (text) 2. Hình ảnh (ảnh đơn, slideshow,...) 3. Video (video ngắn, phóng sự video,...) | 1. Podcast (âm thanh) 2. Kết hợp đa phương tiện |

1. **Mã hóa chung về hình thức cho các sản phẩm**
2. **Từ vựng sử dụng chủ yếu trong tin bài là gì? (chọn 1 phương án chủ yếu nhất)**
3. Ngôn ngữ khoa học (các thuật ngữ khoa học chuyên ngành liên quan đến biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ, ví dụ: biến đổi toàn cầu, hiệu ứng nhà kính, nước biển dâng cao, xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt, năng lượng tái tạo, nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, kinh tế tuần hoàn, phát thải carbon thấp, năng lực thích ứng, v.v. Sử dụng số liệu, biểu đồ và hình ảnh để minh họa cho các vấn đề khoa học được đề cập. Trích dẫn ý kiến của các chuyên gia khoa học để tăng tính thuyết phục cho bài viết…
4. Ngôn ngữ hành chính (các văn bản chính thức, có tính pháp lý như văn bản của các cơ quan nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật, v.v. ngôn ngữ trang trọng, lịch sự và khách quan, các từ ngữ mang tính quy phạm, chuẩn mực)
5. Ngôn ngữ truyền thông (ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với đối tượng mục tiêu của bài viết, sử dụng các biện pháp tu từ học như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, v.v. để tăng tính hấp dẫn cho bài viết. Sử dụng các câu ngắn gọn, súc tích và dễ nhớ. Sử dụng các hình ảnh, video và infographic để thu hút sự chú ý của công chúng)
6. Ngôn ngữ kêu gọi hành động (Khuyến khích các bên tham gia vào các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ. Gợi ý các giải pháp cụ thể để công chúng có thể áp dụng trong cuộc sống. Cung cấp thông tin về các tổ chức, chương trình và dự án liên quan đến biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ để người đọc có thể tham gia)
7. Khác
8. **Cấu trúc câu sử dụng trong tin bài? (Với chủ yếu thì chỉ chọn 1, giọng điệu chọn 1)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chủ yếu sử dụng câu dài 2. Chủ yếu sử dụng câu ngắn 3. Chủ yếu sử dụng câu đơn 4. Chủ yếu sử dụng câu dài | 1. Chủ yếu sử dụng câu phức 2. Giọng điệu trang trọng, lịch sự 3. Giọng điệu bình dân, dễ hiểu 4. Giọng điệu hài hước, dí dỏm |

1. **Các biện pháp tu từ sử dụng trong tin bài: (Có thể chọn nhiều)**
2. So sánh. Ví dụ: Năng lượng tái tạo là nguồn năng lượng sạch sẽ như bầu trời xanh
3. Ẩn dụ. Ví dụ: Biến đổi khí hậu là một con quái vật đang đe dọa cuộc sống của chúng ta
4. Nhân hóa. Ví dụ: Trái đất đang than khóc vì những hành động tàn phá môi trường của con người
5. Hoán dụ. Ví dụ: Cần chung tay bảo vệ lá phổi xanh của Trái đất
6. Điệp ngữ. Ví dụ: Phát triển bền vững, phát triển bền vững, phát triển bền vững là chìa khóa cho tương lai của chúng ta
7. Song hành. Ví dụ: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững là hai mặt của cùng một vấn đề
8. Đối lập. Ví dụ: Chúng ta phải lựa chọn giữa một tương lai xanh và một tương lai đen tối
9. Cường điệu. Ví dụ: Hậu quả của biến đổi khí hậu sẽ là thảm khốc nếu chúng ta không hành động ngay lập tức
10. Chêm xen. Ví dụ: Theo các nhà khoa học, mực nước biển có thể dâng cao đến 1 mét vào cuối thế kỷ này. Điều này sẽ dẫn đến những thảm họa thiên tai kinh hoàng như lũ lụt, hạn hán và mất mùa.
11. Liệt kê. Ví dụ: Để ứng phó với biến đổi khí hậu, chúng ta cần thực hiện nhiều biện pháp như: giảm phát thải khí nhà kính, phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả và bảo vệ rừng.
12. **Phân loại theo góc độ tiếp cận trong tin bài (Có thể nhiều góc độ)**
13. Khoa học (Cung cấp thông tin dựa trên các bằng chứng khoa học về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)
14. Kinh tế (Phân tích tác động kinh tế của biến đổi khí hậu và các giải pháp phát triển bền vững)
15. Xã hội (Phân tích tác động xã hội của biến đổi khí hậu và các giải pháp phát triển bền vững)
16. Môi trường (Tập trung vào các vấn đề môi trường liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)
17. Chính trị (Phân tích vai trò của chính sách và pháp luật trong việc giải quyết biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)
18. Nhiều góc độ
19. **Phân loại theo chủ đề con (Có thể chọn nhiều chủ đề)**
20. Tác động của biến đổi khí hậu (Hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, nước biển dâng cao, suy thoái đất, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực…)
21. Giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng nước hiệu quả, canh tác thích ứng biến đổi khí hậu, xây dựng đê điều, di dời dân cư…)
22. Sáng kiến phát triển bền vững (Nông nghiệp bền vững, đánh bắt thủy sản bền vững, du lịch sinh thái, phát triển đô thị xanh…)
23. Vai trò của khoa học công nghệ (Ứng dụng khoa học công nghệ để dự báo biến đổi khí hậu, phát triển giống cây trồng và vật nuôi chịu hạn, mặn, phát triển hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước…)
24. Chính sách và pháp luật (Các chính sách và pháp luật liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, vai trò của chính phủ, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ…)
25. Nhận thức và hành động của cộng đồng (Mức độ nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu, các hành động của cộng đồng để ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững…)
26. Nhiều chủ đề trong bài
27. **Biến mã hóa về khung mô hình Gamson và Modiglian về cơ hội từ quá trình chuyển đổi nhằm phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ**
28. **Loại khung (frame) chính xuất hiện trong tin bài (Chỉ chọn 1 khung, cột còn lại chỉ là để giải thích cho khung đó)**

|  |  |
| --- | --- |
| Khung | Giải thích để nhận diện khung sử dụng trong tin bài |
| 1. Khung giải pháp (Solution frame) | 1. Giới thiệu các giải pháp tiềm năng để giải quyết vấn đề, đồng thời truyền cảm hứng cho công chúng tham gia vào quá trình chuyển đổi. 2. Nhấn mạnh vào các cơ hội tiềm năng từ quá trình chuyển đổi, ví dụ như phát triển kinh tế xanh, tạo ra việc làm mới, nâng cao chất lượng cuộc sống. 3. Giới thiệu các thành tựu khoa học và công nghệ mới có thể ứng dụng vào phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. |
| 1. Khung trách nhiệm (Responsibility frame) | 1. Phân tích nguyên nhân gốc rễ của biến đổi khí hậu và kêu gọi các bên liên quan chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề. 2. Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long và người dân địa phương. 3. Xác định các bên liên quan chịu trách nhiệm cho việc ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, ví dụ như chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, và cộng đồng. 4. Đề xuất các giải pháp để phân担 trách nhiệm và đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan |
| 1. Khung bình thường hóa (Normalization frame) | 1. Giảm thiểu sự lo lắng và kỳ thị đối với biến đổi khí hậu, đồng thời khuyến khích công chúng hành động. 2. Nhấn mạnh biến đổi khí hậu là một vấn đề toàn cầu và ảnh hưởng đến tất cả mọi người. 3. Chia sẻ những câu chuyện về những người và cộng đồng đang nỗ lực thích ứng với biến đổi khí hậu. 4. Khuyến khích công chúng thay đổi lối sống để góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 5. Khác 6.Không đề cập khung bình thường hóa |
| 1. Khung vấn đề (Problem frame) | 1. Nêu mức độ nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và tác động tiêu cực của nó đối với Đồng bằng sông Cửu Long. 2. Cung cấp số liệu và bằng chứng khoa học về biến đổi khí hậu và tác động của nó. 3. Chia sẻ những câu chuyện về những người bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. 4. Kêu gọi hành động khẩn cấp để giải quyết vấn đề 5. Khác 6.Không đề cập khung vấn đề |
| 1. Khung hy vọng (Hope frame) | 1. Tập trung vào những điều tích cực và tiềm năng trong tương lai sẽ giải quyết được vấn đề biến đổi khí hậu 2. Biến đổi khí hậu có thể được giải quyết và có thể xây dựng một tương lai bền vững hơn. 3. Nhấn mạnh vào những tiến bộ đã đạt được trong việc ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. 4. Chia sẻ những câu chuyện về những người và cộng đồng đang tạo ra sự thay đổi tích cực. 5. Kêu gọi công chúng hành động để xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn 6. Khác 7.Không đề cập khung hi vọng |
| 1. Khung giáo dục (Education frame) | 1. Nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin cho công chúng về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ. 2. Giải thích các khái niệm và thuật ngữ liên quan đến biến đổi khí hậu 3. Cung cấp thông tin về các giải pháp tiềm năng cho biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. 4. Khác 6.Không đề cập khung giáo dục |
| 1. Khung kinh tế (Economic frame) | 1. Phân tích những lợi ích kinh tế của việc thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. |

1. **Thông điệp chính mà tin bài muốn truyền tải là gì? (Chỉ chọn 1 phương án trong cột thứ 2)**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Cơ hội thích ứng với biến đổi khí hậu | 1. Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Ứng dụng khoa học công nghệ để giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đến ĐBSCL, như mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt. 2. Phát triển nông nghiệp bền vững. Ứng dụng công nghệ để phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. 3. Xây dựng các công trình phòng chống thiên tai. Sử dụng công nghệ để xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. 4. Phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sinh học để phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu với điều kiện khí hậu khắc nghiệt   5. Kêu gọi sự tham gia của các bên liên quan. Khuyến khích sự tham gia của chính phủ, doanh nghiệp và người dân trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.  6. Xây dựng và quảng bá các mô hình điển hình về thích ứng với biến đổi khí hậu. Chia sẻ những câu chuyện thành công về các cá nhân, cộng đồng đã áp dụng các giải pháp sáng tạo để thích ứng với biến đổi khí hậu, từ đó truyền cảm hứng và tạo động lực cho người khác hành động.  7. Khuyến khích đầu tư vào các dự án phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. |

1. **Nội dung nào về cơ hội bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, Tăng cường khả năng chống chịu) cho người dân được đề cập trong tin bài? (Có thể chọn nhiều phương án, nhưng chọn phương án chủ yếu)**
2. Quá trình chuyển đổi sẽ giúp bảo vệ môi trường
3. Quá trình chuyển đổi sẽ giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng sông Cửu Long
4. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng sông Cửu Long, như mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt,...
5. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng sông Cửu Long, như ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản,...
6. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng sông Cửu Long, như ảẢnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của người dân,...
7. Việc ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp phát triển các giải pháp bền vững
8. Việc ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp phát triển thân thiện với môi trường
9. Việc ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp phát triển tăng cường khả năng chống chịu của đồng bằng sông Cửu Long trước biến đổi khí hậu
10. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp tăng cường khả năng chống chịu của đồng bằng sông Cửu Long trước biến đổi khí hậu, như: Xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.
11. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp tăng cường khả năng chống chịu của đồng bằng sông Cửu Long trước biến đổi khí hậu, như: Phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu
12. Các giải pháp ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ sẽ giúp tăng cường khả năng chống chịu của đồng bằng sông Cửu Long trước biến đổi khí hậu, như: Phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh bền vững, thân thiện với môi trường
13. **Bài viết có đề cập đến các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu nào sau đây?** (Có thể chọn nhiều phương án chính và phụ nếu đã chọn chính. Không có thì bảo không)

|  |  |
| --- | --- |
| a.Giải pháp kỹ thuật và công nghệ | 1. Xây dựng và nâng cấp hệ thống đê điều, kè chắn 2. Cải tạo hệ thống thủy lợi, công trình phòng chống lũ 3. Xây dựng nhà cửa, công trình kiên cố, chống chịu thiên tai 4. Xây dựng hệ thống giao thông thích ứng với nước biển dâng 5. Quy hoạch đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu 6. Áp dụng kỹ thuật canh tác thích ứng (nông nghiệp tuần hoàn, canh tác hữu cơ, nông nghiệp chính xác,...) 7. Nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu (nuôi cá lồng bè, nuôi tôm sú siêu thâm canh,...) 8. Quản lý tài nguyên nước (xây dựng hồ chứa, tiết kiệm nước, sử dụng nước hiệu quả,...) 9. Quản lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường (xử lý nước thải, rác thải,...) 10. Phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối) 11. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai 12. Khác 13. Không đề cập |
| b. Giải pháp nông - lâm - ngư nghiệp | 1. Trồng rừng ngập mặn 2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi (lựa chọn giống chịu mặn, chịu hạn,...) 3. Phát triển mô hình nông-lâm kết hợp, lúa-tôm,... 4. Áp dụng công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước (Sử dụng các hệ thống tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa, tưới theo nhu cầu cây trồng để giảm lượng nước tiêu thụ và tăng hiệu quả sử dụng nước) 5. Phát triển nông nghiệp thông minh (Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT) để giám sát, điều khiển và tự động hóa quá trình sản xuất nông nghiệp, giúp tăng năng suất, chất lượng và giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu) 6. Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen cây trồng, vật nuôi bản địa (Đầu tư vào việc nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đa dạng sinh học và giá trị kinh tế cao) 7. Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững (Áp dụng các phương pháp nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường như nuôi cá lồng bè trên biển, nuôi tôm sinh thái, nuôi trồng rong biển,... nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và đảm bảo nguồn lợi thủy sản bền vững) 8. Quản lý và bảo vệ rừng bền vững (Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, chống phá rừng, khai thác rừng trái phép. Đẩy mạnh trồng rừng, phục hồi rừng ngập mặn, rừng phòng hộ đầu nguồn để tăng khả năng hấp thụ carbon, giảm thiểu xói mòn đất và bảo vệ nguồn nước). 9. Phát triển lâm nghiệp bền vững (Khuyến khích trồng rừng kinh tế, sản xuất gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp khác theo hướng bền vững, đảm bảo cân bằng giữa khai thác và tái tạo tài nguyên rừng) 10. Xây dựng hệ thống cảnh báo dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi (Đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và triển khai các hệ thống cảnh báo sớm về dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, giúp ngăn chặn và kiểm soát dịch bệnh kịp thời, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp) 11. Tăng cường hợp tác quốc tế về nông - lâm - ngư nghiệp (Chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và nguồn lực giữa các quốc gia trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển nông - lâm - ngư nghiệp bền vững và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên) 12. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, các công nghệ sản xuất nông nghiệp tiên tiến, các giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với thiên tai) 13. Khác 14. Không đề cập |
| c. Giải pháp giáo dục, nâng cao nhận thức và quản lý | 1. Tuyên truyền, giáo dục về biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng 2. Tổ chức tập huấn, đào tạo kỹ năng cho người dân (nông dân, ngư dân,...) 3. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động ứng phó 4. Xây dựng mạng lưới chia sẻ thông tin và kiến thức về biến đổi khí hậu 5. Xây dựng và thực thi các chính sách, quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu (luật, nghị định,...) 6. Tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực 7. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ thích ứng 8. Xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu 9. Khác |
| d. Giải pháp khác | 1. Bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái (rừng, đất ngập nước,...) 2. Di dời dân cư khỏi vùng nguy hiểm 3. Phát triển bảo hiểm nông nghiệp 4. Cải thiện hệ thống y tế để ứng phó với các bệnh truyền nhiễm liên quan đến biến đổi khí hậu 5. Khác |

**Cảm ơn các điều tra viên đã tham gia mã hóa trong khảo sát này./.**